TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HS-ST
Ngày: 26/3/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Quyên

Các hội thẩm nhân dân: 1.Ông Lê Văn Lợi

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Minh Hiền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà*:** Bà Lê Thị Thanh Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2025/TLST-HS ngày 19 tháng 03 năm 2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST- HS, ngày 14/03/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: ***Lê Hữu L***, sinh ngày: 02/12/2000; Số CCCD: 038200018125

Nơi cư trú: Thôn LH, xã QL, huyện QX, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính; Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn C (đã chết) và bà Trần Thị T; Gia đình có 02 chị em bị cáo là thứ hai. Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/12/20024 đến ngày 02/01/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Hữu G và Đoàn Thị Huyền Trang- Công ty Luật TNHH Nguyễn G Vina- Đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hoá.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+Anh Đoàn Công Quốc K, sinh năm 2003 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn LH, xã QL, huyện QX, tỉnh Thanh Hóa.

+Anh Phạm Văn D, sinh năm 2000 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn LH, xã QL, huyện QX, tỉnh Thanh Hóa.

+Anh Lê Trọng H, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn LH, xã QL, huyện QX, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng từ 13/9/2023 đến 27/12/2024 Lê Hữu L đã sử dụng tiền cá nhân của mình cho một số người dân trên địa bàn xã Quảng Lộc, huyện Quảng Xương vay với lãi suất từ 146%/năm đến 182%/năm gấp từ 7,3 lần đến 9,13lần so với lãi suất cao nhất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS nhằm thu lợi bất chính cụ thể như sau;

1. Đối với Đoàn Công Quốc K: Ngày 14/9/2023 bị cáo cho K vay 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) vay không thời hạn. Lãi suất 4.000đ/1 triệu đồng/1 ngày. Tương đương mức lãi suất 146%/năm, gấp 7,4 lần mức lãi cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS. Số tiền lãi hàng tháng K phải trả cho bị cáo là 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng). Khi cho vay bị cáo cắt lãi trước nên K chỉ được nhận 13.200.000đ (Mười ba triệu hai trăm nghìn đồng) từ bị cáo L và yêu cầu K để lại căn cước công dân khi nào trả đủ cả lãi và gốc mới được lấy căn cước.

Tính đến ngày 27/12/20024 (thời điểm phát hiện tội phạm) là 15 tháng 13 tương ứng với số tiền lãi L phải trả cho bị cáo là 27.780.000đ trong đó lãi cao nhất theo quy định của BLDS là 3.805.479 đồng, số tiền vượt quá quy định là 23.974.521đ số tiền thực tế K đã trả cho bị cáo là 03 tháng lãi bằng 5.400.000đ (lãi theo quy định là *739.726đ* và lãi thu lợi bất chính là *4.660.274đ)*. Hiện nay tiền gốc 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) anh K chưa trả cho bị cáo.

Khoản thứ hai: Ngày 15/9/2023 bị cáo cho K vay 10.000.000đ (Mười triệu đồng) vay không thời hạn. Lãi suất 4.000đ/1 triệu đồng/1 ngày. Tương đương mức lãi suất 146%/năm gấp 7,4 lần mức lãi cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS. Số tiền lãi hàng tháng K phải trả cho bị cáo là 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng). Khi cho vay L cắt lãi trước K chỉ được nhận 8.800.000đ (Tám triệu tám trăm nghìn đồng).

Tính đến ngày 27/12/20024 (thời điểm phát hiện tội phạm) là 15 tháng 12 ngày tương ứng với số tiền lãi L phải trả cho bị cáo là 18.480.000đ trong đó lãi cao nhất theo quy định của BLDS là 2.531.507 đồng, số tiền vượt quá quy định là 15.948.493đ số tiền thực tế K đã trả cho bị cáo là 03 tháng lãi bằng 3.600.000đ (lãi theo quy định là *493.151đ* và lãi thu lợi bất chính là *3.106.849đ)*. Hiện gốc 10.000.000đ (Mười triệu đồng) anh K chưa trả cho bị cáo.

Khoản thứ ba: Ngày 16/9/2023 bị cáo cho K vay 10.000.000đ (Mười triệu đồng), vay không thời hạn. Lãi suất 4.000đ/1 triệu đồng/1 ngày. Tương đương mức lãi suất 146%/năm gấp 7,4 lần mức lãi cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS. Số tiền lãi hàng tháng K phải trả cho bị cáo là 1.200.000đ (Một

triệu hai trăm nghìn đồng). Khi cho vay L cắt lãi trước K chỉ được nhận 8.800.000đ (Tám triệu tám trăm nghìn đồng).

Tính đến ngày 27/12/20024 (thời điểm phát hiện tội phạm) là 15 tháng 11 ngày tương ứng với số tiền lãi L phải trả cho bị cáo là 18.440.000đ trong đó lãi cao nhất theo quy định của BLDS là 2.526.027 đồng, số tiền vượt quá quy định là 15.913.973đ số tiền thực tế K đã trả cho bị cáo là 03 tháng lãi bằng 3.600.000đ (lãi theo quy định là *493.151đ* và lãi thu lợi bất chính là *3.106.849đ).* Hiện gốc 10.000.000đ (Mười triệu đồng) anh K chưa trả cho bị cáo.

Khoản thứ tư: Ngày 18/9/2023 bị cáo cho K vay 10.000.000đ (Mười triệu đồng), vay không thời hạn. Lãi suất 4.000đ/1 triệu đồng/1 ngày. Tương đương mức lãi suất 146%/năm gấp 7,4 lần mức lãi cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS. Số tiền lãi hàng tháng K phải trả cho bị cáo là 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng). Khi cho vay L cắt lãi trước K chỉ được nhận 8.800.000đ (Tám triệu tám trăm nghìn đồng).

Tính đến ngày 27/12/20024 (thời điểm phát hiện tội phạm) là 15 tháng 09 tương ứng với số tiền lãi L phải trả cho bị cáo là 18.360.000đ trong đó lãi cao nhất theo quy định của BLDS là 2.515.068 đồng, số tiền vượt quá quy định là 15.844.932đ số tiền thực tế K đã trả cho bị cáo là 03 tháng lãi bằng 3.600.000đ (lãi theo quy định là *493.151đ* và lãi thu lợi bất chính là *3.106.849đ).* Hiện gốc 10.000.000đ (Mười triệu đồng) anh K chưa trả cho bị cáo.

Tổng số tiền L cho anh K vay bốn lần là 45.000.000đ tiền gốc, tổng số tiền lãi bị cáo nhằm thu được của anh L là 83.060.000đ trong đó lãi tương ứng theo quy định của BLDS là 11.378..082 đ và lãi vượt quá quy định của BLDS là 71.681.918đ. Thực tế K đã trả cho bị cáo là 16.200.000đ trong đó lãi suất theo quy định là 2.219.178đ và lãi vượt quá quy định của BLDS là *13.980.822đ*.

2. Đối với anh Phạm Tiến D: Ngày 19/10/2023, anh D có nhu cầu vay tiền nên bị cáo cho anh D vay 10.000.000đ (Mười triệu đồng), vay không thời hạn. Lãi suất 5.000đ/1 triệu đồng/1 ngày. Tương đương mức lãi suất 182%/năm, gấp 9,1 lần lãi quy định của BLDS. Số tiền lãi hàng tháng anh D phải trả cho bị cáo là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Khi cho vay L cắt lãi trước anh D chỉ được nhận 8.500.000đ (Tám triệu tám trăm nghìn đồng).

Tính đến ngày19/11/2023 là 01 tháng lãi, lãi theo quy định là 164.384đ và lãi vượt quy định thu lợi bất chính là 1.335.616đ.

Từ ngày ngày19/11/2023 bị cáo cũng giảm lãi cho anh D xuống 4000đ/1 triệu đồng/1 ngày, gấp 7,4 lần mức lãi cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS. Với mức lãi suất này tính đến 27/12/20024 (thời điểm phát hiện tội phạm) là 13 tháng 08 ngày tương ứng với số tiền lãi anh D phải trả cho bị cáo là 15.920.000đ trong đó lãi cao nhất theo quy định của BLDS là 2.180.822đ đồng,

số tiền vượt quá quy định là 135.739.178đ số tiền thực tế K đã trả cho bị cáo là 03 tháng lãi bằng 3.600.000đ (lãi theo quy định là 493.151đ và lãi thu lợi bất chính là 3.106.849đ). Hiện gốc 10.000.000đ (Mười triệu đồng) anh D chưa trả cho bị cáo.

3. ***Đối với anh Lê Trọng H***:

Khoảnvay thứ nhất: Ngày13/9/2023 bị cáo cho anh H vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), vay không thời hạn. Lãi suất 4.333đ/1 triệu đồng/1 ngày. Tương đương mức lãi suất 158,17%/năm, gấp 7,9 lần lãi suất theo quy định. Số tiền lãi hàng tháng anh H phải trả cho bị cáo là 2.600.000đ (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng). Khi cho vay L cắt lãi trước anh H chỉ được nhận 17.400.000đ.

Tính đến 13/10/2023 anh H đã được 01 tháng lãi trong đó lãi theo quy định là 328.767đ, số tiền lãi vượt quá quy định là 2.271.233đ

Từ ngày 13/10/2023 bị cáo giảm lãi cho anh H xuống là 4.000đ/1 triệu đồng/1 ngày. Tương đương mức lãi suất 146%/năm mức lãi giảm xuống chỉ còn gấp 7,4 lần mức lãi cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS. Số tiền lãi hàng tháng anh H phải trả cho bị cáo là 2.400.000đ/tháng.

Tính đến ngày 27/12/20024 (thời điểm phát hiện tội phạm) là 14 tháng 14 ngày tương ứng với số tiền lãi bị cáo nhằm thu của anh H là 34.720.000đ trong đó lãi cao nhất theo quy định của BLDS là 4.746.164đồng, số tiền vượt quá quy định là 29.963.836đ số tiền thực tế K đã trả cho bị cáo là 05 tháng lãi bằng 12.000.000đ (lãi theo quy định là *1.643.836đ* và lãi thu lợi bất chính là *10.356.164đ)*. Hiện gốc 20.000.000đ anh H chưa trả cho bị cáo.

Khoản vay thứ hai: Ngày 19/9/2023 bị cáo cho anh H vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), vay không thời hạn. Lãi suất 4.333đ/1 triệu đồng/1 ngày. Tương đương mức lãi suất 158,17%/năm, gấp 7,9 lần lãi suất theo quy định. Số tiền lãi hàng tháng anh H phải trả cho bị cáo là 2.600.000đ (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng). Khi cho vay L cắt lãi trước anh H chỉ được nhận 17.400.000đ.

Tính đến 19/10/2023 anh H đã được 01 tháng lãi trong đó lãi theo quy định là 328.767đ, số tiền lãi vượt quá quy định là 2.271.233đ

Từ ngày 19/10/2023 bị cáo giảm lãi cho anh H xuống là 4.000đ/1 triệu đồng/1 ngày. Tương đương mức lãi suất 146%/năm gấp 7,4 lần mức lãi cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS. Số tiền lãi hàng tháng anh H phải trả cho bị cáo là 2.400.000đ/tháng.

Tính đến ngày 27/12/20024 (thời điểm phát hiện tội phạm) là 14 tháng 08 ngày tương ứng với số tiền lãi bị cáo nhằm thu của anh H là 34.240.000đ trong đó lãi cao nhất theo quy định của BLDS là 4.690.411đồng, số tiền vượt quá quy định là 29.549.589đ số tiền thực tế K đã trả cho bị cáo là 05 tháng lãi bằng

12.000.000đ (lãi theo quy định là 1.643.836đ và lãi thu lợi bất chính là 10.356.164đ). Hiện gốc 20.000.000đ anh H chưa trả cho bị cáo.

Tổng số tiền L cho anh H vay hai lần là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) tiền gốc, tổng số tiền lãi bị cáo nhằm thu được của anh L là 74.160.000đ trong đó lãi tương ứng theo quy định của BLDS là 10.104.110đ và lãi vượt quá quy định của BLDS là 64.055.890đ. Thực tế anh H đã trả cho bị cáo là 29.200.000đ trong đó lãi suất theo quy định là 3.945.205đ và lãi vượt quá quy định của BLDS là *25.254.795đ*.

Như vậy thời gian từ 13/9/2023 đến 27/12/2024 bị cáo L đã cho 03 người vay với tổng số tiền gốc là 95.000.000đ (Chín mươi lăm triệu đồng) với lãi suất từ 146% đến 182%/năm cao gấp 7,3 lần đến 8,91 lần mức cao nhất tại khoản 1 Điều 468 của BLDS. Số tiền lãi bị cáo nhằm thu của các anh D, anh K và anh H là 174.6640.000đ (Một trăm bảy mươi tư triệu sáu trăm sáu mươi tư nghìn đồng) trong đó lãi theo quy định là 23.827.397đ (Hai mươi ba triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn ab trăm chín mươi bảy đồng) số tiền nhằm thu lợi bất chính từ khoản lãi vượt quy định là 150.812.603đ (Một trăm năm mươi triệu tám trăm mười hai nghìn sáu trăm linh ba đồng) và số tiền lãi thực tế đã thu là 50.500.000đ (Năm mươi triệu năm trăm nghìn đồng) trong đó lãi theo quy định là 6.821.918đ (Sáu triệu tám trăm hai mươi mốt nghìn chín trăm mười tám đồng), lãi vượt quy định là 43.678.082đ (Bốn mươi ba triệu sáu trăm, bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi hai đồng).

Tại bản cáo trạng số: 21/CT-VKSBT-QX ngày 14/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương đã truy tố bị cáo Lê Hữu L về tội *"*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*"* quy định tại khoản 2 Điều 201 của BLHS.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà bị cáo L đã thành khẩn khai báo và thừa nhận hành vi phạm tội của mình và tỏ ra ăn năn hối hận, đề nghị được HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2, 3 Điều 201; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Hữu L từ 10 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 20 tháng đến 24 tháng. Đề nghị phạt bổ sung bằng hình phạt tiền với bị cáo L từ 40.000.000đ đến 45.000.000đ. Biện pháp tư pháp: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Truy toàn bộ số tiền gốc 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng) từ anh Đoàn Công Quốc K là phương tiện phạm tội sung nộp ngân sách Nhà Nước. Truy thu toàn bộ số tiền gốc 10.000.000đ (Mười triệu đồng) từ anh Phạm Văn D là phương tiện phạm tội sung nộp ngân sách Nhà Nước. Truy thu toàn bộ số tiền

gốc 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) từ anh Lê Trọng H là phương tiện phạm tội sung nộp ngân sách Nhà Nước. Truy thu số tiền lãi theo quy định bị cáo đã thu của những người vay để sung nộp ngân sách Nhà nước là 6.821.918đ (Sáu triệu tám trăm hai mươi mốt nghìn chín trăm mười tám đồng) làm tròn là 6.822.000đ (Sáu triệu tám trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo trả số tiền thu lời bất chính nên HĐXX không truy xét.

Về vật chứng trong vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS; Điểm a khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu sung nộp công quỹ Nhà nước điện thoại Iphon 12 promax của bị cáo là công cụ phạm tội.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của BLHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Luật sư bào chữa cho bị cáo L đồng tình với quan điểm truy tố và Điều luật của Viện kiểm sát áp dụng đối với bị cáo. Nhưng luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 54 của BLHS xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và xử phạt bị cáo L cải tạo không giam giữ không khấu trừ thu nhập, đề nghị xử phạt bổ sung bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu, chứng cứ trong vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Xương; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì.

-Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trong quá trình điều tra người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ, xét thấy việc vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung là đúng quy định tại các Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: Có căn cứ xác định từ 13/9/2023 đến 27/12/2024 bị cáo L đã cho 03 người vay với tổng số tiền gốc là 95.000.000đ (Chín mươi lăm triệu đồng) với lãi suất từ 146% đến 182%/năm, cao gấp 7,3 lần đến 8,91 lần mức cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS. Số tiền lãi bị cáo nhằm thu của anh D, anh K và anh H là 174.6640.000đ trong đó lãi theo quy định là

23.827.397đ số tiền nhằm thu lợi bất chính từ khoản lãi vượt quy định là 150.812.603đ và số tiền lãi thực tế đã thu là 50.500.000đ trong đó lãi theo quy định là 6.821.918đ, lãi vượt quy định là 43.678.082đ.

Căn cứ Điều 6, Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 xác định số tiền thu lời bất chính để xử lý trách nhiệm hình sự bao gồm tiền lãi và các khoản thu trái pháp luật khác mà người vay phải trả cho người cho vay sau khi trừ đi số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự trong cả kỳ hạn vay. Như vậy số tiền nhằm thu lợi bất chính mà bị cáo Lê Hữu L phải chịu trách nhiệm hình sự là 150.812.603đ *(Một trăm năm mươi triệu tám trăm mười hai nghìn sáu trăm linh ba đồng).*

Đủ căn cứ kết luận bị cáo Lê Hữu L phạm "Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự 2015.

Vì vậy VKSND huyện Quảng Xương truy tố bị cáo Lê Hữu L phạm "Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm đến hoạt động quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực T chính, Ngân hàng, ảnh hưởng trật tự, trị an của xã hội và còn làm cho người vay tiền L vào hoàn cảnh khó khăn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Tuy nhiên Hội đồng khi quyết định hình phạt C xét đến nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo để quyết định mức án phù hợp, tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lê Hữu L. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ "Người phạm tội thành khẩn khai báo"; "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" và bị cáo ra đầu thú nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không C thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội, chỉ C xử phạt bị bị cáo mức hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội và cho bị cáo miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện. Cho bị cáo được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện cũng đủ giáo dục, cải tạo bị cáo thành người tốt.

Xét đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo về việc đề nghị xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt không đảm bảo tính nghiêm minh, giáo dục bị cáo và ngăn ngừa tội phạm chung nên không được chấp nhận.

[6] *Về trách nhiệm dân sự*: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có đơn yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[7] Biện pháp tư pháp. Toàn bộ số tiền gốc 95.000.000đ (Chín mươi lăm triệu đồng) bị cáo sử dụng làm phương tiện cho vay kiếm lời C tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước. Hiện nay người vay chưa trả cho bị cáo nên HĐXX truy thu sung nộp ngân sách Nhà Nước toàn bộ số tiền gốc 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng) từ anh Đoàn Công Quốc K. Truy thu sung nộp ngân sách Nhà Nước toàn bộ số tiền gốc 10.000.000đ (Mười triệu đồng) từ anh Phạm Văn D. Truy thu sung nộp ngân sách Nhà Nước toàn bộ số tiền gốc 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) từ anh Lê Trọng H.

Đối với số tiền lãi trong hạn bị cáo đã thu của các người vay là 6.821.918đ (Sáu triệu tám trăm hai mươi mốt nghìn chín trăm mười tám đồng) là số tiền phát sinh từ hành vi cho vai nặng lãi C tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước.

[8] Về vật chứng trong vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS; Điểm a khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu sung nộp công quỹ Nhà nước điện thoại Iphon 12 Promax màu đen có lắp sim số 0988987984 của bị cáo là công cụ phạm tội.

Đối với số tiền thu lời bất chính 43.678.082đ bị cáo thu của anh K 13.980.822đ, anh D là 4.442.465đ và anh H là 25.254.795đ. Quá trình điều tra truy tố anh D, anh H và anh K không có đơn yêu cầu bị cáo phải trả lại nên HĐXX không xem xét.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo L phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của BLHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1.Áp dụng: Khoản 2, khoản 3 Điều 201; Điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 và các khoản 1, 2, 5 Điều 65; Điểm a khoản 1 Điều 47 và Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Áp dụng: Điểm a, b khoản 2 điều 106; Khoản 2 Điều 136; Điều 331 và 333 của BLTTHS.

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố bị cáo Lê Hữu L phạm "Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

3. Xử phạt: Bị cáo Lê Hữu L 10 (Mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 20 (Hai mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Hữu L cho UBND xã Quảng Lộc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bà Trần Thị T có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Quảng Lộc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Hữu L 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) sung nộp Ngân sách Nhà nước. Nộp một lần khi án có H lực pháp luật.

5. Biện pháp tư pháp:

-Truy toàn bộ số tiền gốc 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng) từ anh Đoàn Công Quốc K sung nộp ngân sách Nhà Nước.

- Truy thu toàn bộ số tiền gốc 10.000.000đ (Mười triệu đồng) từ anh Phạm Văn D sung nộp ngân sách Nhà Nước.

-Truy thu toàn bộ số tiền gốc 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) từ anh Lê Trọng H sung nộp ngân sách Nhà Nước.

Truy thu từ bị cáo Lê hữu L số tiền 6.821.918đ (Sáu triệu tám trăm hai mươi mốt nghìn chín trăm mười tám đồng) sung nộp ngân sách Nhà nước.

-***Vật chứng***:Tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại iphon 12 Promax có lắp sim số:0988987984 được đựng trong 01 phong bì thư do Công an huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá phát hành, phong bì được dán kín niêm phong bởi các chữ ký, chữ viết ghi rõ họ tên của Phạm Thị Minh, Lê Hữu L, Nguyễn Văn L, Lê Đình Nguyên cùng 04 hình con dấu tròn màu đỏ của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Xương. Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, T sản ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Xương.

6. *Về trách nhiệm dân sự*: HĐXX không xem xét

8.*Về án phí*: Bị cáo Lê Hữu L phải nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận: **MT.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XƠ THẨM**

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Quảng Xương;
- Bị cáo;
- Luật sư bào chữa cho bị cáo
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
-Cơ quan điều tra
…
- Chi cục THADS huyện Quảng Xương;
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Quyên